

Name: .....

Grammar + Vocabulary: .....

Class: S2...

Reading: .....

Tel: 034 200 9294

Mini Test: .....



Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày..../....

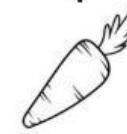
Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày..../....

## GLOBAL ENGLISH 2

### Unit 3 - Ready, steady, go - Vocabulary 3 & Grammar 2

#### A. Vocabulary

##### ❖ Healthy food

 1 <b>yogurt</b> (n) sữa chua	 2 <b>milk</b> (n) sữa	 3 <b>orange</b> (n) cam
 4 <b>carrot</b> (n) cà rốt	 5 <b>soup</b> (n) súp	

\*Note: n = noun: danh từ

\*Con học thuộc nghĩa của từ và chép mỗi từ **1 ĐÒNG** vào vở ghi.

#### B. Grammar

##### ❖ Lượng từ all / most / some

Cách dùng	Ví dụ
all (tất cả)	All candies are sweet. (Tất cả kẹo đều ngọt.)
most (phần lớn, đa số)	Most candies have pink colour. (Đa số kẹo có màu hồng.)
some (một vài)	Some candies have green colour. (Một vài chiếc kẹo có màu xanh.)

##### ❖ like / don't like + V-ing

Cách dùng: dùng để thể hiện sở thích của bản thân, mang tính lâu dài

like + V-ing (thích làm gì)	don't like + V-ing (không thích làm gì)
I like dancing.	I don't like dancing.
We like playing football.	We don't like playing football.
They like writing.	They don't like writing.
You like fishing.	You don't like fishing.
Mike and Sarah like singing.	Mike and Sarah don't like singing.

\*Note: V = verb: động từ

**C. Homework****I. Finish the words and match with the pictures (Hoàn thành các từ vựng và nối với tranh)**

0. FOOT •

1. C \_\_ R \_\_ \_\_ T •

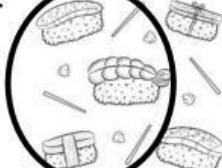
2. Y \_\_ G \_\_ R \_\_ •

3. M \_\_ L \_\_ •

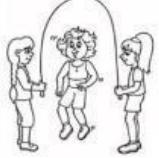
4. O \_\_ \_\_ N \_\_ E •

5. \_\_ \_\_ U P •

**II. Look at the picture and choose YES or NO (Nhìn tranh và chọn YES hoặc NO)**

<p>0.</p>  <p><b>SOME CANDIES</b></p> <p>YES / NO</p>	<p>1.</p>  <p><b>ALL CANDIES</b></p> <p>YES / NO</p>
<p>2.</p>  <p><b>ALL SWEETS</b></p> <p>YES / NO</p>	<p>3.</p>  <p><b>MOST SWEETS</b></p> <p>YES / NO</p>
<p>4.</p>  <p><b>SOME CANDIES</b></p> <p>YES / NO</p>	<p>5.</p>  <p><b>ALL FOODS</b></p> <p>YES / NO</p>

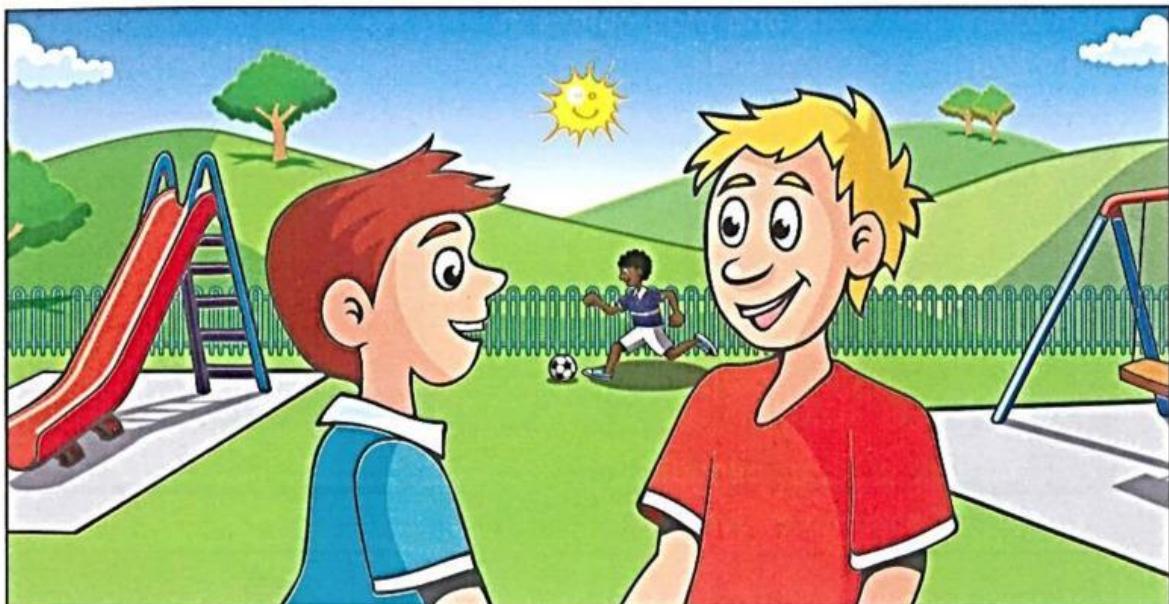
**III. Complete the sentence with the given words (Hoàn thành câu với những từ cho sẵn)**

 <p>0. I <u>like playing</u> (like/ play) football.</p>	 <p>3. You _____ (like/ cook).</p>
 <p>1. I _____ (like/ dance).</p>	 <p>4. We _____ (like/ skip) rope.</p>
 <p>2. The children _____ (like/ walk).</p>	 <p>5. They _____ (like/ run).</p>

## Part 2

– 6 questions –

Read the text and choose the best answer.



### Example

**Jim:** My grandma bought me a car yesterday!

**Paul:**

- A Wow!
- B It's good.
- C He's fantastic!

### Questions

1 **Jim:** It's a toy car like the one in my favourite film. I love cars.

**Paul:**

- A Come on.
- B Me too.
- C See you.

2 Jim: Have you got lots of cars?

Paul:

- A Yes, there are.
- B Yes, twenty.
- C Yes, I know.

3 Jim: How often do you watch films?

Paul:

- A At weekends.
- B I watched last Wednesday.
- C You do it every day.

4 Jim: What kind of films do you like?

Paul:

- A I'd like them.
- B That's my favourite.
- C All films.

5 Jim: I like going to the cinema, but I think watching DVDs at home is better.

Paul:

- A What a great film.
- B So do I.
- C Here you are.

6 Jim: How about coming to my house on Saturday to watch a DVD?

Paul:

- A Well done!
- B That's it!
- C Good idea!